

# CÔNG TY TNHH XÂY LẮP CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP AN PHÁT TÚ

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP AN PHÁT TÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301176579

3. Ngày thành lập: 21/05/2021

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu Hai Vân, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0983257481

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                              | 2592        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                               | 2599        |
| 3.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                    | 3311        |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                | 3312        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                    | 3313        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                    | 3314        |
| 7.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315        |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                    | 3319        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                   | 3320(Chính) |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                         | 4101        |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                   | 4102        |
| 12. | Xây dựng công trình đường bộ                                                              | 4212        |
| 13. | Xây dựng công trình điện                                                                  | 4221        |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                       | 4222        |
| 15. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                        | 4223        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích khác                                                         | 4229        |
| 17. | Xây dựng công trình thủy                                                                  | 4291        |
| 18. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                           | 4292        |
| 19. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                     | 4293        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                | 4299        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                    | 4311        |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                         | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4322 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4329 |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330 |
| 27. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                             | 4649 |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4659 |
| 30. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662 |
| 31. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 32. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4669 |
| 33. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752 |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931 |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932 |
| 36. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933 |
| 37. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7110 |
| 38. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 39. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710 |
| 40. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7730 |
| 41. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8121 |
| 42. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8129 |
| 43. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8130 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động xuất nhập khẩu                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TÔ XUÂN VUI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/02/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 125053428

Ngày cấp: 19/07/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: Khu Hai Vân, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Hai Vân, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh